

**Phụ lục I**

**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023**

*(Kèm theo Báo cáo số 200/BC-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp)*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Kế hoạch năm 2023
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	
<b>I</b>	<b>Hợp tác xã</b>					
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	214	216	224	226
	<i>Trong đó:</i>					
	Số hợp tác xã đang hoạt động	HTX	209	213	212	221
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	4	7	7	7
	Số hợp tác xã giải thể	HTX	5	3	3	5
	Số hợp tác xã đạt loại tốt, khá (*)	HTX	166	168	168	179
	Số HTX ứng dụng công nghệ cao	HTX	34		36	40
	Số HTX nông nghiệp liên kết với DN theo chuỗi giá trị	HTX	64			90
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	54,600	54,612	56,000	57,750
	<i>Trong đó:</i>					
	Số thành viên mới	Thành viên	1,000	1,120	1,388	1,750
	Số thành viên ra khỏi hợp tác xã	Thành	140	100	163	1,000
3	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	2,874	2,826	2,873	2,929
	<i>Trong đó:</i>					
	Số lao động thường xuyên mới	Người	105	105	105	105
	Số lao động thường xuyên là thành viên HTX	Người	2,692	3,157	2,750	2,780
4	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	1,080	1,126	1,055	1,069
	<i>Trong đó:</i>					
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	316	330	331	332
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	244	230	256	260
5	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	2,173	2,282	2,282	<b>2396</b>
	Trong đó: Doanh thu của hợp tác xã với thành viên	Tr đồng/năm	1,449	1,521	1,521	<b>1,597</b>
6	Lãi bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	267	280	280	294
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Tr đồng/năm	70	74	74	77
<b>III</b>	<b>Tổ hợp tác</b>					
1	Tổng số tổ hợp tác	THT	1,068	1,085	1,066	1,072
	<i>Trong đó:</i>					
	Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn	THT	1,004	1,037	1,037	1,072
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên	50,624	51,165	51,165	51,307
	<i>Trong đó:</i>					
	Số thành viên mới thu hút	Thành viên	135	142	142	142
3	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm	510	520	520	531
4	Lãi bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm	138	141	141	144

(\*) Theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của BKHĐT về hướng dẫn phân loại và đánh giá HTX

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Kế hoạch năm 2023
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	





**Phụ lục II**

**NHU CẦU VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ  
PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2023**

*(Kèm theo Báo cáo số 200 /BC-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp)*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2022		Kế hoạch 2023 (*)		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Dự kiến đơn vị thực hiện	
<b>I</b>	<b>NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>						
<b>1</b>	<b>Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT</b>						
<b>1.1</b>	<b>Đào tạo</b>						
	- Số người được cử đi đào tạo	Người	30	30	8	8	Huyện Lũng
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	428.46	428.46			
<b>1.2</b>	<b>Bồi dưỡng</b>						
	- Số người được tham gia bồi dưỡng	Người			20	20	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng					
<b>2</b>	<b>Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về KTTT</b>						
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	2	2	14	12	(huyện HN +LVung)
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng					
<b>3</b>	<b>Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường</b>				12	12	
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX					
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng					
<b>4</b>	<b>Hỗ trợ khác (cụ thể theo từng nội dung hỗ trợ)</b>	Tr đồng					
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX					
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng					
<b>II</b>	<b>NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>						

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2022		Kế hoạch 2023 (*)		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Dự kiến đơn vị thực hiện	
<b>1</b>	<b>Thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã</b>						
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX, LHHTX			7	7	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng			70	70	
<b>2</b>	<b>Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT</b>						
<b>2.1</b>	<b>Đào tạo</b>						
	- Số người được cử đi đào tạo	Người	40	40			
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	614.8	614.8			
<b>2.2</b>	<b>Bồi dưỡng</b>						
	- Số người được tham gia bồi dưỡng	Người	250	250	450	450	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	564.9	564.9	558.3	558.3	
<b>3</b>	<b>Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về KTTT</b>						
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	11	11	26		
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	110	110	260		
<b>4</b>	<b>Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường</b>						
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	3	3	10		
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng			250		
<b>5</b>	<b>Hỗ trợ khác (cụ thể theo từng nội dung hỗ trợ)</b>						
	Hỗ trợ đào tạo lực lượng nhân lực cao đẳng, đại học về lâm nghiệp HTX						
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	6	6	6	6	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	350	350	350	350	

(\*) Kèm theo dự toán theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 124/2021/TT-BTC

**Phụ lục III**

**NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2023**

*(Kèm theo Báo cáo số 200/BC-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Tổng mức đầu tư		Thực hiện 2022		Kế hoạch 2023	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó NSNN	Kế hoạch	Thực hiện		
<b>I</b>	<b>NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>						
<b>1</b>	<b>Dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn</b>						
1.1	Dự án phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022-2025	30,400				30,400	huyện TB
	Dự án đầu tư hệ thống tưới tiêu thích ứng biến đổi khí hậu tại xã An Phong	50,200	30,000			50,200	
<b>2</b>	<b>Dự án thuộc Chương trình MTQG...</b>						
1.1	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp	5841	4672.8	5841	0	5,841	huyện CL
	Đường nội đồng đoạn từ chợ Bình Phú đến nhà ông Út Cuối	3,971	3,971	-	-	3,971	huyện TH
	Đường nội bộ Giồng Găng (Khu vực Bệnh viện Quân Dân Y)	2,300	2,300			2,300	
	Đường bờ Nam kênh Cà Trấp I (Giồng Bà 2) (đoạn từ kênh Cái Cái đến ranh Long An)	8,219	8,219			8,219	
	Đường bờ Nam kênh Cà Mũi	1,500	1,500			1,500	
	Đường bờ đông kênh Tân Thành (đoạn từ cụm dân cư Lãng Xăng 3 - kênh Lộ 30 cũ)	4,028	4,028			4,028	

STT	Chỉ tiêu	Tổng mức đầu tư		Thực hiện 2022		Kế hoạch 2023	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó NSNN	Kế hoạch	Thực hiện		
	Nâng cấp đê bao cánh đồng Láng Biển	2,200	2,200			2,200	
<b>II</b>	<b>NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>						
<b>1</b>	<b>Dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn</b>						
<i>1.1</i>	<i>Dự án....</i>						
<i>1.2</i>	<i>Dự án....</i>						
<b>2</b>	<b>Dự án thuộc Chương trình MTQG...</b>						
<i>1.1</i>	<i>Dự án....</i>						



**Phụ lục IV**

**TÌNH HÌNH XỬ LÝ HỢP TÁC XÃ KHÔNG HOẠT ĐỘNG, KHÓ KHĂN TRONG GIẢI THỂ, CHƯA ĐĂNG KÝ VÀ TỔ CHỨC LẠI THEO LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2012**

*(Kèm theo Báo cáo số 200/BC-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp)*

STT	Nội dung		Năm 2020	Thực hiện năm 2021	Ước thực hiện năm 2022	Dự kiến kế hoạch năm 2023
<b>1</b>	Tổng số HTX	(01)	218	216	224	226
	Số HTX thành lập mới	(02)	19	4	7	7
	Số HTX giải thể	(03)	13	5	3	5
<b>2</b>	Số HTX đang hoạt động	(04)	205	209	212	221
<b>3</b>	Số HTX không hoạt động	(05)	13	27	21	5
	Số HTX không hoạt động nhưng chưa thực hiện việc giải thể	(06)			10	0
	Số HTX không hoạt động đang tiến hành giải thể nhưng có vướng mắc	(07)				
	- Phát sinh vướng mắc nhưng có thể xử lý được	(08)				
	- Phát sinh vướng mắc do Luật HTX, cần phải sửa Luật	(09)				
<b>4</b>	Số HTX chưa đăng ký, tổ chức lại theo Luật HTX	(10)	0	0	0	0

**Lưu ý:** - UBND các tỉnh căn cứ văn bản số 6563/BKHĐT-HTX ngày 28/9/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn xử lý HTX không hoạt động, khó khăn trong giải thể để báo cáo

- (01) = (04) + (05)

- (05) = (03) + (06) + (07)

- (07) = (08) + (09)

- số HTX năm 2021 = số HTX 2020 + số thành lập mới năm 2021 - số giải thể năm 2021

- số HTX ước thực hiện năm 2022 = số HTX 2021 + số thành lập mới ước TH năm 2022 - số giải thể ước TH năm 2022

- số HTX dự kiến KH năm 2023 = số HTX 2022 + số thành lập mới dự kiến năm 2023 - số giải thể dự kiến năm 2023

- Đối với khó khăn do vướng mắc ở Luật, cần phải sửa Luật đề nghị nêu rõ nội dung khó khăn, vướng mắc

**Phụ lục V**  
**HỖ TRỢ HỢP TÁC XÃ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 167/QĐ-TTG NGÀY 03/02/2021 PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN LỰA CHỌN, HOÀN THIỆN, NHÂN**  
*(Kèm theo Báo cáo số 200/BC-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp)*

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Số HTX được hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ năm 2022			Dự kiến hỗ trợ năm 2023			Ghi chú
			Tổng số	NS địa phương	NSTW	Tổng số	NS địa phương	NSTW	
1	Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực								
2	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường								
3	Ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới;								
4	Tiếp cận nguồn vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX					10,000		10,000	hỗ trợ HTX Hoa Kiểng Tân Dương thuộc Đề án nhân rộng theo Quyết định 2007/QĐ-UBND-HC ngày 31/21/2021
5	Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm.					320,000		320,000	Công văn số 58/UBND-ĐTĐD ngày 17/02/2022 của UBND Tỉnh Đồng Tháp về đề xuất Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
6	Hỗ trợ khác								
	- ....								
	- ....								